TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2021
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn B, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, bà và ông B có 02 con chung. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm,

tính cách không phù hợp nhau, thường xuyên cãi vã, sống không tôn trọng nhau nên bà không chung sống với ông B từ năm 2008 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau vì không còn tình cảm vợ chồng. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn B. Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1992, hiện các con của bà và ông B đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn B thể hiện: Năm 1985 ông và bà Nguyễn Thị T, trú tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn và không có con chung. Đến năm 1989 ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có 02 con chung. Quá trình chung sống ông và bà T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không hòa hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên ông đã sống ly thân với bà T từ năm 2008 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông, do ông và bà T không đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông nhất trí như lời khai của bà T về họ, tên các con, hiện các con của ông và bà T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn B đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B; về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1992, đều đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Bà T và ông B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 tại Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Bà T và ông B đã sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1989 đến nay không thể hiện có tên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão. Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B.

[4] Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1992, đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011676 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn